

TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO NGẮN HẠN - Đợt tháng 02/2019 - Đợt 2

STT	Họ tên	Ngày sinh	GIỚI TÍNH	NGHỀ	SỐ GIỜ	Xếp loại	Số vào sổ	Ký và ghi rõ họ tên
1	Nguyễn Đăng Tài	06/10/1999	nam	Điện dân dụng, Điện công nghiệp và Năng lượng mặt trời	270 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0001	
2	Phạm Vinh Quang	03/11/1997	nam	Điện dân dụng, Điện công nghiệp và Năng lượng mặt trời	270 giờ	Giỏi (Điểm: 8,5)	2019/ĐTNH/0002	
3	Nguyễn Thị Phi Yến	29/01/1998	nữ	Điện dân dụng, Điện công nghiệp và Năng lượng mặt trời	270 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0003	
4	Hoàng Trọng Vinh	29/12/1994	nam	Điện dân dụng, Điện công nghiệp và Năng lượng mặt trời	270 giờ	Giỏi (Điểm: 9)	2019/ĐTNH/0004	
5	Phạm Duy Nhã	04/02/1974	nam	Điện dân dụng, Điện công nghiệp và Năng lượng mặt trời	270 giờ	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0005	
6	Nguyễn Ngọc Phi Phụng	28/08/1989	nam	Điện dân dụng, Điện công nghiệp và Năng lượng mặt trời	270 giờ	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0006	
7	Lê Đình Thọ	30/11/1997	nam	Hàn khí	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0015	
8	Dương Hữu Bảo	02/01/1989	nam	Hàn khí	30 giờ	Khá (Điểm: 6,5)	2019/ĐTNH/0016	
9	Nguyễn Phước Vũ	26/07/1981	nam	Hàn khí	30 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0017	
10	Nguyễn Ngọc Nam	22/04/1991	nam	Hàn khí	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0018	
11	Lê Phước Tâm	23/06/1992	nam	Hàn khí	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0019	
12	Nguyễn Ngọc Tấn	25/12/1991	nam	Hàn khí	30 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0020	
13	Nguyễn Trọng Tiếp	04/06/1985	nam	Hàn khí	30 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0021	
14	Đặng Phước Toàn	06/04/2000	nam	Hàn khí	30 giờ	Khá (Điểm: 6,5)	2019/ĐTNH/0022	
15	Hà Minh Thông	20/07/1997	nam	Hàn khí	30 giờ	Khá (Điểm: 6,5)	2019/ĐTNH/0023	
16	Trương Hoài An	17/05/1997	nam	Hàn khí	30 giờ	Khá (Điểm: 6,5)	2019/ĐTNH/0024	
17	Lê Phước Hải	03/11/1996	nam	Hàn khí	30 giờ	Khá (Điểm: 6,5)	2019/ĐTNH/0025	
18	Nguyễn Nhật Tài	28/09/1998	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0026	
19	Võ Đăng Khoa	21/07/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0027	
20	Trần Đình Huân	02/01/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0028	
21	Trần Bình Trọng	28/09/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Trung bình (Điểm: 5,5)	2019/ĐTNH/0029	
22	Nguyễn Phước Tấn	16/11/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0030	
23	Chung Tấn Thanh	17/06/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0031	
24	Lê Phước Nhã	19/11/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0032	

ban

STT	Họ tên	Ngày sinh	GIỚI TÍNH	NGHỀ	SỐ GIỜ	Xếp loại	Số vào sổ	Ký và ghi rõ họ tên
25	Nguyễn Nam Phong	23/08/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Trung bình khá (Điểm: 6)	2019/ĐTNH/0033	
26	Lê Thành Thái	15/02/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0034	
27	Trương Tuấn Nam	18/01/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Giỏi (Điểm: 9)	2019/ĐTNH/0035	
28	Nguyễn Minh Tiến	15/04/1992	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0036	
29	Nguyễn Văn Quý	02/06/1994	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0037	
30	Tăng Văn Giáp	10/09/1994	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Giỏi (Điểm: 9)	2019/ĐTNH/0038	
31	Nguyễn Trường Hoàng	15/10/1998	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0039	
32	Phạm Minh Huy	11/04/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0040	
33	Nguyễn Văn Khả	02/10/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Trung bình khá (Điểm: 6)	2019/ĐTNH/0041	
34	Nguyễn Hoàng Phúc	11/12/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0042	
35	Hà Văn Quý	22/08/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0043	
36	Mai Thanh Sang	18/01/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0044	
37	Phan Văn Sanh	27/08/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Trung bình khá (Điểm: 6)	2019/ĐTNH/0045	
38	Võ Thanh Sơn	28/11/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Trung bình khá (Điểm: 6)	2019/ĐTNH/0046	
39	Lâm Nguyễn Nhật Trường	02/11/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0047	
40	Vũ Xuân Từ	17/08/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0048	
41	Trần Xuân Trường	11/12/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Trung bình (Điểm: 5)	2019/ĐTNH/0049	
42	La Công Danh	06/10/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0050	
43	Lê Thành Đạt	02/02/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0051	
44	Lê Đình Minh Khánh	17/11/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0052	
45	Lê Đặng Tấn Lượng	13/05/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Trung bình khá (Điểm: 6)	2019/ĐTNH/0053	
46	Trần Trọng Nghĩa	02/04/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0054	
47	Lê Trung Nhân	14/03/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0055	
48	Lâm Nhật Rum	28/07/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0056	
49	Vũ Thành Trung	01/05/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0057	
50	Nguyễn Tấn Cường	29/01/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0058	
51	Lê Nhật Hào	30/11/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0059	
52	Cao Đức Huỳnh	01/02/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0060	

STT	Họ tên	Ngày sinh	GIỚI TÍNH	NGHỀ	SỐ GIỜ	Xếp loại	Số vào sổ	Ký và ghi rõ họ tên
53	Trần Gia Khang	29/11/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Trung bình khá (Điểm: 6)	2019/ĐTNH/0061	
54	Ngô Nguyễn Hoàng Lộc	25/05/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0062	
55	Đặng Minh Nhu	01/05/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0063	
56	Nguyễn Văn Tài	04/10/1999	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0064	
57	Hoàng Văn Thọ	20/02/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0065	
58	Đặng Văn Minh	27/07/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Trung bình khá (Điểm: 6)	2019/ĐTNH/0066	
59	Nguyễn Ngọc Bảo	20/09/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0067	
60	Nguyễn Văn Hoàng Long	25/12/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0068	
61	Huỳnh Nhật Đông	18/10/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Trung bình (Điểm: 5)	2019/ĐTNH/0069	
62	Danh Tấn Phi	28/06/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0070	
63	Huỳnh Quốc Khang	25/09/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0071	
64	Võ Nhật Duy	16/08/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0072	
65	Kim Minh Trường	16/10/1997	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0073	
66	Huỳnh Văn Mão	28/06/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0074	
67	Huỳnh Bảo Khanh	09/03/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Trung bình khá (Điểm: 6)	2019/ĐTNH/0075	
68	Nguyễn Quốc Tuấn	16/10/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0076	
69	Nguyễn Chí Hải	10/10/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0077	
70	Đào Đức Trung	05/07/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0078	
71	Nguyễn Duy Tuấn	07/03/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0079	
72	Hồ Minh Vũ	22/02/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Trung bình khá (Điểm: 6)	2019/ĐTNH/0080	
73	Nguyễn Ngọc Thuận	11/03/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0081	
74	Nguyễn Đông Hải	13/02/1996	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0082	
75	Phạm Đặng Hoàng Huy	25/07/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0083	
76	Tạ Minh Tuấn	09/03/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Trung bình (Điểm: 5)	2019/ĐTNH/0084	
77	Lương Văn Cường	09/07/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0085	
78	Phạm Hoài Nam	24/04/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0086	
79	Trần Minh Bảo	24/10/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0087	
80	Trần Công Anh Tú	11/08/2000	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Trung bình khá (Điểm: 6)	2019/ĐTNH/0088	

6a

STT	Họ tên	Ngày sinh	GIỚI TÍNH	NGHỀ	SỐ GIỜ	Xếp loại	Số vào sổ	Ký và ghi rõ họ tên
81	Nguyễn Quốc Vỹ	21/07/1999	nam	AutoCAD 2D	30 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0089	
82	Nguyễn Thanh Dương	19/08/2000	nam	Điện Xe máy	1 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0090	
83	Nguyễn Đức Huy	20/08/2000	nam	Điện Xe máy	1 tháng	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0091	
84	Nghiêm Xuân Linh	06/11/1998	nam	Điện Xe máy	1 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0092	
85	Hứa Trường Sơn	14/01/1997	nam	Điện Xe máy	1 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0093	
86	Trần Minh Thân	03/06/1998	nam	Điện Xe máy	1 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0094	
87	Nguyễn Minh Khôi	11/10/1998	nam	Điện Xe máy	1 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0095	
88	Trương Quốc Danh	04/01/1998	nam	Điện Xe máy	1 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0096	
89	Trần Thành Nhân	24/10/2000	nam	Điện Xe máy	1 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0097	
90	Bùi Văn Thông	17/03/1999	nam	Điện Xe máy	1 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0098	
91	Nguyễn Nhựt Thăng	24/10/2000	nam	Điện Xe máy	1 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0099	
92	Nguyễn Trường Thái	23/12/2000	nam	Điện Xe máy	1 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0100	
93	Bùi Hoàng Quốc Huy	30/03/2000	nam	Điện Xe máy	1 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0101	
94	Nguyễn Minh Nghĩa	04/07/2000	nam	Điện Xe máy	1 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0102	
95	Nguyễn Lê Chánh Truyền	29/08/1998	nam	Điện Xe máy	1 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0103	
96	Bùi Kim Tỏa	30/04/2000	nam	Điện Xe máy	1 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0104	
97	Đặng Thanh Nhân	08/03/2000	nam	Điện Xe máy	1 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0105	
98	Trần Quốc Hậu	05/06/2003	nam	Điện Xe máy	1 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0106	
99	Trần Minh Nhật	20/11/2003	nam	Điện Xe máy	1 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0107	
100	Lê Hữu Thành	29/10/1996	nam	Điện Xe máy	1 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0108	
101	Trần Ngọc Sao	05/09/2000	nam	Điện Xe máy	1 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0109	
102	Nguyễn Phú Quý	01/08/2000	nam	Điện Xe máy	1 tháng	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0110	
103	Phạm Thanh Bình	11/02/2000	nam	Điện Xe máy	1 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0111	
104	Nguyễn Thanh Dương	19/08/2000	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0112	
105	Nghiêm Xuân Linh	06/11/1998	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Giỏi (Điểm: 9)	2019/ĐTNH/0113	
106	Hứa Trường Sơn	14/01/1997	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0114	
107	Trần Minh Thân	03/06/1998	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0115	
108	Nguyễn Minh Khôi	11/10/1998	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0116	

STT	Họ tên	Ngày sinh	GIỚI TÍNH	NGHỀ	SỐ GIỜ	Xếp loại	Số vào sổ	Ký và ghi rõ họ tên
109	Trương Quốc Danh	04/01/1998	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0117	
110	Nguyễn Lê Nhật Nam	20/09/1997	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Giỏi (Điểm: 9)	2019/ĐTNH/0118	
111	Trần Thành Nhân	24/10/2000	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0119	
112	Trần Thanh Tuấn	06/11/2000	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0120	
113	Bùi Văn Thông	17/03/1999	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0121	
114	Nguyễn Đức Huy	20/08/2000	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0122	
115	Trần Chí Thiện	20/11/2000	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0123	
116	Nguyễn Nhựt Thăng	24/10/2000	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0124	
117	Bùi Hoàng Quốc Huy	30/03/2000	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0125	
118	Nguyễn Minh Nghĩa	04/07/2000	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0126	
119	Bùi Kim Tỏa	30/04/2000	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0127	
120	Đặng Thanh Nhân	08/03/2000	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0128	
121	Nguyễn Trường Thái	23/12/2000	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0129	
122	Trần Quốc Hậu	05/06/2003	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0130	
123	Trần Minh Nhật	20/11/2003	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0131	
124	Nguyễn Lê Chánh Truyền	29/08/1998	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Giỏi (Điểm: 9)	2019/ĐTNH/0132	
125	Trần Lê Minh	03/11/1999	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0133	
126	Trần Ngọc Sao	05/09/2000	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0134	
127	Nguyễn Phú Quý	01/08/2000	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Khá (Điểm: 7)	2019/ĐTNH/0135	
128	Lê Hữu Thành	29/10/1996	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Giỏi (Điểm: 9)	2019/ĐTNH/0136	
129	Phạm Thanh Bình	11/02/2000	nam	Động cơ xe máy	2,5 tháng	Giỏi (Điểm: 9)	2019/ĐTNH/0137	
130	Nguyễn Văn Hiệp	23/01/1998	nam	Phun xăng điện tử	60 giờ	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0138	
131	Nguyễn Thanh Sơn	13/03/1989	nam	Phun xăng điện tử	60 giờ	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0139	
132	Nghiêm Xuân Linh	06/11/1998	nam	Phun xăng điện tử	60 giờ	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0140	
133	Đinh Nguyễn Hoàng Quý	03/10/1996	nam	Phun xăng điện tử	60 giờ	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0141	
134	Bùi Văn Thông	17/03/1999	nam	Phun xăng điện tử	60 giờ	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0142	
135	Nguyễn Lê Chánh Truyền	28/09/1998	nam	Phun xăng điện tử	60 giờ	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0143	
136	Nguyễn Văn Rin	1979	nam	Điện công nghiệp	140 giờ	Giỏi (Điểm: 8,5)	2019/ĐTNH/0144	

STT	Họ tên	Ngày sinh	GIỚI TÍNH	NGHỀ	SỐ GIỜ	Xếp loại	Số vào sổ	Ký và ghi rõ họ tên
137	Nguyễn Minh Nhân	1983	nam	Điện công nghiệp	140 giờ	Giỏi (Điểm: 8,5)	2019/ĐTNH/0145	
138	Nguyễn Đức Lợi	12/09/1998	nam	Điện gia dụng	90 giờ	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0146	
139	Huỳnh An Khang	1991	nam	Điện gia dụng	90 giờ	Giỏi (Điểm: 8)	2019/ĐTNH/0147	
140	Nguyễn Văn An	22/11/1989	nam	Điện gia dụng	90 giờ	Giỏi (Điểm: 8,5)	2019/ĐTNH/0148	
141	Lương Đức Thịnh	10/04/1995	nam	Điện gia dụng	90 giờ	Giỏi (Điểm: 9,5)	2019/ĐTNH/0149	
142	Trần Quốc Dũng	17/11/1990	nam	Điện gia dụng	90 giờ	Khá (Điểm: 7,5)	2019/ĐTNH/0150	
143	Trần Văn Chương	28/06/1997	nam	Động cơ 1 pha	80 giờ	Giỏi (Điểm: 9)	2019/ĐTNH/0151	

Tp.HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2019

Người kiểm tra và in chứng chỉ

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc


Đỗ Công Thành